

**HỢP TÁC, CỨNG CỐ ĐỘI NGŨ NGƯỜI CÓ UY TÍN
TRONG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ - MỘT NHIỆM VỤ
ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TÂY BẮC HIỆN NAY
(QUA KHẢO CỨU TRƯỜNG HỢP ĐỒNG BÀO HÔNG)¹**

PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng
Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Một vấn đề thu hút sự nghiên cứu là xác định các nguyên nhân khiến một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số chuyển đổi tín ngưỡng tôn giáo theo các hệ phái Tin Lành ở nước ta trong ba thập niên gần đây. Đến nay, các ý kiến về vấn đề này vẫn nghiêng về quan điểm cho rằng đó là tổng thể nhiều nguyên nhân, nhưng suy cho cùng là lý do kinh tế nên mọi giải pháp đều hướng tới việc nâng cao mức sống của người dân. Qua thực tế, suy yếu tín ngưỡng tôn giáo truyền thống là một trong những nguyên nhân cơ bản khiến một bộ phận người Hông chuyển đổi tôn giáo sang đạo Tin Lành. Vì vậy, bài viết đề xuất củng cố những người có uy tín trong cộng đồng như một trong các biện pháp tối ưu để giữ ổn định văn hóa và chính trị - xã hội vùng đồng bào Hông nói riêng, vùng dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Bắc nói chung.

Từ khóa: Người Hông, dân tộc thiểu số, người có uy tín, đạo Tin Lành.

1. Tính cấp thiết của việc củng cố đội ngũ người có uy tín trong đồng bào Hông

Nghiên cứu thực địa tại vùng đồng bào người Hông ở khu vực Tây Bắc cho thấy, không hẳn có mối liên hệ tỷ lệ nghịch giữa việc chuyển đổi tôn giáo với đời sống kinh tế của người dân. Những vùng tộc người nghèo nhất, những hộ dân khó khăn nhất, chưa hẳn có chuyện tức thì chuyển đổi tôn

giáo. Những hộ cải đạo sang Tin Lành không hẳn là những hộ dân nghèo nhất. Những nghiên cứu trường hợp của chúng tôi tại nhiều địa bàn sinh sống của người Hông cho thấy, nguyên nhân cơ bản dẫn tới việc một bộ phận người Hông theo đạo Tin Lành là do sự suy thoái của tôn giáo Hông truyền thống. Chưa kể tới việc có thêm yếu tố một vài điểm tương đồng trong vũ trụ quan của người Hông truyền thống với Ki-tô giáo. Những tác nhân như kinh tế, dân trí, vai trò của truyền thông, các nhà truyền đạo, bất cập trong chính sách và thực hiện chính sách của các cấp chính quyền... là quan trọng không thể không tính đến, nhưng sự suy yếu của tín ngưỡng tôn giáo truyền thống mới là vấn đề của mọi vấn đề. Điều

¹ Bài viết này là sản phẩm của đề tài “Nghiên cứu đánh giá xu hướng tín ngưỡng của cộng đồng dân tộc Hông theo đạo Tin Lành và một số hiện tượng tôn giáo mới vùng Tây Bắc”, mã số: KHCN-TB.13X/13-18, thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, do Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì.

này đã được phân tích trong một công trình khác (Nguyễn Quang Hưng, 2015). Do vậy, hơn lúc nào hết cần chú trọng củng cố đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc Hmông để nâng cao vai trò tín ngưỡng truyền thống, gồm những nhóm người:

(i) Trưởng họ (*uô thoux* tức đứng đầu hay *hâur pâul* - gốc) được xem như người đứng đầu hay gốc của dòng họ. Khác với người Kinh là trưởng họ tính theo huyết thống và sự phân vai, trưởng họ người Hmông rất có uy tín, bởi do dòng họ cử ra và có thể bị phê truất nếu người ấy không được dòng họ tín nhiệm nữa. Đây là nét đặc thù, bởi trưởng họ phải là người am hiểu cuộc sống, có bản lĩnh, giỏi lý lẽ... để thay mặt dòng họ trong các công việc đối nội và đối ngoại, đồng thời cũng là người có năng lực tổ chức, quy tụ các thành viên trong dòng họ để thực hiện những việc quan trọng.

(ii) Người cầm "quyền ma" (*cho đaz khuô*) trong dòng họ Hmông rất am hiểu các lễ nghi tôn giáo của dòng họ, giúp trưởng họ những việc lễ nghi để làm theo đúng lý lối của dòng họ mình. Khác với trưởng họ, người cầm "quyền ma" không do dòng họ cử ra, mà thường là cha truyền con nối.

(iii) Bà cô (*fâux hay Pu nhăngx*) rất có vị thế và uy tín trong các công việc của dòng họ, có thể quyết định thay đổi ký tự tôn giáo của dòng họ mình.

(iv) Ông cậu tuy thuộc dòng họ ngoại, nhưng đóng vai trò quan trọng trong nhiều công việc của dòng họ và mang tính đối xứng như một sự bổ sung thêm cho vai trò của bà cô bên họ nội.

(v) Các ông thầy shaman (*chí nénh*) trong cộng đồng người Hmông tuy không có địa vị cao trong xã hội truyền thống của tộc

người này, nhưng thường được vị nể giống như các vị trưởng bản. Ông thầy cúng nào càng cao tay trong pháp thuật cúng bái thì càng có uy quyền lớn trong sinh hoạt tôn giáo cũng như các quan hệ xã hội, nhận được sự vị nể của nhiều người.

(vi) Các bậc cao niên am hiểu tập quán dân tộc Hmông cũng có uy tín trong cộng đồng. Ngoài ra, những người từng làm cán bộ nhà nước hoặc có địa vị cao trong xã hội, có kinh nghiệm sống, am hiểu về lý lẽ truyền thống... cũng là chỗ dựa cho cộng đồng mỗi khi có xích mích hay kiện cáo trong cộng đồng. Chưa kể tới các thầy khèn và thầy trống trong đám ma, những người chủ tế tại các lễ hội... mà đa phần liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của đồng bào.

Nhóm người trên, bao gồm cả các già làng và trưởng bản, dù chưa hẳn có chức vị cao như bên chính quyền địa phương, nhưng được sự vị nể của cộng đồng dân tộc Hmông. Với tâm thức tín ngưỡng nguyên thủy, người Hmông không thể sống thiếu tôn giáo: "*Trong lịch sử tồn tại của người Hmông, tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của họ là một bộ phận rất quan trọng cấu thành nên bản sắc văn hóa rất đặc thù của dân tộc này. Hơn thế, những hoạt động tín ngưỡng của tôn giáo ấy là yếu tố cốt lõi tạo dựng nên sự cố kết chặt chẽ của cộng đồng, góp phần giúp dân tộc này không bị "tan vỡ" hay "hòa đồng" trong bối cảnh họ trở thành nhóm dân tộc thiểu số ở nhiều quốc gia và đang chịu tác động mạnh mẽ của các yếu tố văn hóa mới (...). Trong những hoạt động tâm linh ấy, thờ cúng tổ tiên giữ một vị trí cơ bản. Những nghi lễ hướng về tổ tiên không chỉ thể hiện lòng biết ơn, sự tôn kính với những người đã khuất mà thực sự là hành động tỏ rõ ý thức hướng về cội nguồn,*

bảo vệ văn hóa dân tộc (...). Hơn thế, dấu ấn của tín ngưỡng tổ tiên còn in đậm trong cả chu kỳ đời người của họ (...) ngay từ lúc cất tiếng khóc chào đời đến khi trưởng thành, về già và chết đi" (Vương Duy Quang, 2005, tr. 243-244). Do vậy, một sự thay đổi về đời sống tín ngưỡng của đồng bào Hmông tất yếu kéo theo những hệ lụy khác của cộng đồng này trên các lĩnh vực văn hóa, đạo đức, chính trị - xã hội, vì: "Nếu coi thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng đa thần là yếu tố cốt lõi trong văn hóa tâm linh truyền thống của người Hmông thì tín ngưỡng dòng họ thực sự là nét văn hóa tâm linh điển hình mang tính đặc thù của dân tộc này. Nói cách khác, nếu trong văn hóa ứng xử, dòng họ được coi là nền tảng cơ bản cấu thành nên xã hội Hmông và đóng vai trò quan trọng trong sự có kết của cộng đồng Hmông thì tín ngưỡng dòng họ chính là "chất keo" vô cùng cần thiết tạo nên sự "kết dính" của cộng đồng đó" (Vương Duy Quang, 2005, tr. 244).

Qua nghiên cứu thực địa cho thấy, bất cứ chính sách nào của Nhà nước khi thực hiện tại vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ khó thành công nếu không tính đến những đặc thù về lịch sử, văn hóa và tâm lý tộc người, thiếu sự cộng tác của đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng. Từ Đổi mới, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, công tác củng cố đội ngũ người có uy tín vùng đồng bào các dân tộc thiểu số được chú ý hơn, nhưng tới nay hiệu quả chưa như mong đợi. Cách đây gần hai chục năm, trong nghiên cứu về kế hoạch hóa gia đình ở hai xã Hang Kia và Pà Cò - nơi đông người Hmông ở tỉnh Hòa Bình do Viện Dân tộc học thực hiện đã chỉ ra rằng: tại sao các đoàn thể của tỉnh đã

không thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của tỉnh? Bởi vì bao năm qua, chúng ta chỉ chú ý tới đối tượng là phụ nữ, mà bỏ qua việc vận động nam giới, chưa chú ý tới vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng Hmông, chưa chú ý tới đội ngũ già làng trưởng bản (Viện Dân tộc học, 1998, tr. 87). Tiếp tục mạch nghiên cứu này, Viện Dân tộc học từng khuyến cáo: "*Trong xã hội người Hmông, những người có tiếng nói quyền lực thực sự trong gia đình, họ tộc, làng bản là các thầy cúng, các già làng, đặc biệt là trưởng tộc, trưởng họ, bà cô, ông cậu. Những người này nói là dân phải theo và quyết định là dân phải làm. Vì vậy, không ai vận động con cháu và người dân tốt bằng họ. Nên chẳng cần phải tranh thủ họ, đưa họ vào lực lượng truyền thông dân số, thậm chí nên có chế độ khuyến khích để họ vận động con cháu thực hiện tốt công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình" (Viện Dân tộc học, 1998, tr. 93). Một nghiên cứu khác cũng nhấn mạnh vai trò của đội ngũ các già làng trưởng bản ở vùng các dân tộc thiểu số (Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2002, tr. 173-176). Vậy mà 20 năm sau, tình trạng vẫn như vậy, bởi vì Hang Kia và Pà Cò hiện tại vẫn là hai xã có nạn tảo hôn và tỷ lệ sinh cao nhất ở tỉnh Hòa Bình. Có lẽ những khuyến cáo trên của Viện Dân tộc học sau gần hai thập niên vẫn chưa được các cơ quan chức năng chấp nhận².*

² Theo phóng sự Chương trình *TV Ngày mới*, kênh QPVN, ngày 19/6/2016: đặc tính của phụ nữ Hmông là khi chết kiêng kỵ mang đồ kim khí theo người, do vậy việc vận động phụ nữ Hmông đặt vòng tránh thai không có kết quả, cần phải dùng các phương pháp khác. Tâm lý phụ nữ nhiều dân tộc thiểu số chỉ cho phép chồng mình biết được phân kín của cơ thể, do đó một số bác sĩ phụ khoa là nam giới gây e ngại cho họ.

Rõ ràng là cần phải thay đổi tư duy và nếp suy nghĩ bấy lâu nay của một bộ phận cán bộ về việc cúng ma của người dân tộc thiểu số, về các thầy cúng, thầy mo,... Cách nói “cúng ma” không diễn tả đúng bản chất đời sống tín ngưỡng của đồng bào. Ma đối với họ là thần linh, trong đó có cả chính thần và tà thần (tà ma) chứ không chỉ có ý tiêu cực. Nói vậy, tức chúng ta đã đem cái lối suy nghĩ của người Kinh áp đặt vào đồng bào các dân tộc thiểu số. Để thay đổi tư duy, cần thay đổi cách ứng xử với nhóm người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số, đừng đơn giản cho rằng thầy cúng, thầy mo chỉ là những người truyền bá “mê tín dị đoan” và những tập tục “lạc hậu” dù hiện nay có một số những tập tục của đồng bào không còn phù hợp với xã hội hiện tại.

Kết quả nghiên cứu tại nhiều địa phương người dân tộc thiểu số cho thấy, chính đội ngũ các thầy cúng, thầy mo là tầng lớp trí thức truyền thống của đồng bào, là người chuyên tải, duy trì những giá trị văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của dân tộc. Nhóm người ấy chính là tầng lớp tinh hoa (*elite*) trong cộng đồng dân tộc thiểu số mà chúng ta cần trân trọng. Họ chính là những “bảo tàng sống”, là kho lưu giữ kiến thức tộc người cũng như những di sản và giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số. Trong bối cảnh một bộ phận cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực này còn hạn chế về nghiệp vụ chuyên môn, gặp rào cản về ngôn ngữ thì cần thiết phải học hỏi những tri thức, kinh nghiệm về văn hóa và tâm lý tộc người ở nhóm trí thức các dân tộc thiểu số.

2. Một số khó khăn khi củng cố đội ngũ người có uy tín và giải pháp

Kết quả khảo sát tại một số địa bàn người dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc, trong

đó có người Hmông đã chỉ ra rằng, công tác củng cố đội ngũ người có uy tín của đồng bào đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức, trong đó phải kể tới hai trở ngại lớn nhất dưới đây:

Thứ nhất, đội ngũ người có uy tín trong dân tộc Hmông nói riêng, các dân tộc thiểu số nói chung đang rất mỏng cả về số lượng và chất lượng, phân tán về địa bàn cư trú. Sự suy yếu đội ngũ này là hệ lụy của việc bị vô hiệu hóa trong một thời gian dài, bắt đầu từ khi Nhà nước ta tiến hành cải cách hành chính và xây dựng chính quyền cơ sở sau ngày hòa bình lập lại năm 1954 ở miền Bắc, nhưng lại ít tính đến đặc điểm tâm lý các dân tộc thiểu số. Hệ quả là số lượng các thầy shaman hiện nay ở vùng đồng bào đã giảm đi rất nhiều. Chẳng hạn, năm 1930, theo báo cáo thô ty Hoàng Yến Chao, ở Bắc Hà Đông (Lùng Phình) chỉ có 38 làng Hmông mà có tới 788 thầy shaman (Trần Hữu Sơn, 1996, tr. 56). Với trường hợp người Hmông, qua kết quả khảo sát, đội ngũ người am hiểu lý lối truyền thống đa phần ở bậc cao tuổi trong khi lớp trung niên và đáng ngại nhất là lớp trẻ thì không theo kịp về mọi phương diện bởi vì, lớp trẻ không chỉ mang nặng tâm lý tự ti về những giá trị truyền thống của dân tộc mình, mà thường quan tâm đến những nhu cầu vật chất. Tâm sự của một bậc cao niên người Hmông đã phản ánh vấn đề này: *“Vừa rồi tổng kết lớp dạy khèn làm ma, tôi nói với Chủ tịch huyện: Đồng chí là dân tộc Hmông ở Xin Mản tỉnh Hà Giang, mà dân tộc Hmông thì đi theo đạo nhiều nhất; Tại sao? Vì các loại văn hóa cổ truyền của dân tộc Hmông các ông không làm được, các ông quên hết. Tôi dạy khèn chưa có lớp nào vất vả như lớp này mà vẫn không có kết quả vì các cháu không tiếp*

thu được. Bảo làm khèn đám, bài tạ thế mà cứ làm sang khèn võ, biểu diễn sai hết với truyền thống. Như vậy là mình đã tự làm cho cái cổ truyền của mình yếu đi. Nếu như dân tộc Hmông này không tự đứng dậy (tức khôi phục lại truyền thống) thì không biết còn cái gì. Mình bảo mình muốn bảo tồn văn hóa của mình thì ai bảo tồn? Cái khèn này người Kinh có thổi được đâu”³. Không ai khác, chính người Hmông phải tự khôi phục các giá trị truyền thống của họ, Nhà nước và các dân tộc khác chỉ có thể hỗ trợ, tức không thể làm thay. Có thể nói, khi những người am hiểu lý lối truyền thống ở lớp trẻ và trung niên ngày càng ít, còn những người cao niên lại lần lượt qua đời và mang theo bao hiểu biết về tri thức của tộc người mình đi xuống mồ thì đó là một sự mất mát về những giá trị văn hóa dân tộc không có cách nào cứu vãn được.

Thứ hai, nhận thức và hành động của các cấp chính quyền về vấn đề củng cố đội ngũ người có uy tín còn thiếu những biện pháp mang tính đột phá. Thực tế cho thấy, sự cần thiết củng cố đội ngũ này đã được nói tới trong một số báo cáo của chính quyền các cấp, nhất là Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 718/QĐ-TTg ngày 15/5/2014 phê duyệt *Đề án củng cố, tăng cường đội ngũ cán bộ dân tộc Hmông trong hệ thống chính trị cơ sở các xã địa bàn trọng yếu vùng Tây Bắc giai đoạn 2014 - 2018*. Tương tự, không ít các văn bản của các cơ quan chức năng cũng đã nhấn mạnh sự cần thiết phải củng cố đội ngũ người có uy tín: “i) *Tiếp tục củng cố đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo các cấp; mở các lớp*

đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo (...); iv) Phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền địa phương tổ chức vận động phát huy vai trò người có uy tín trong tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền, vận động, ngăn chặn xóa bỏ tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh” (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2015). Song, việc thực hiện trong thực tế còn chưa được như mong đợi. Một số lễ hội như *Gầu tào*, *Hội xuân...* của dân tộc thiểu số được tổ chức gần đây và mới nhất là tháng 12/2016 đã diễn ra Hội thảo khoa học về chủ đề này do Ban Dân vận tỉnh Hà Giang tổ chức là những nỗ lực cần được ghi nhận, nhưng cũng phải thừa nhận rằng phần nhiều các hoạt động đó mang tính hình thức hơn là thực chất để giải quyết vấn đề. Thêm vào đó, chính quyền các địa phương vẫn chưa coi trọng đúng mức việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc và tôn giáo. Đơn cử: “*Tỉnh Lào Cai đã xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ chuyên môn (...); tỉnh Lai Châu ban hành Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (...); tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định về việc hỗ trợ cho cán bộ, công chức đi học và chính sách thu hút những người có trình độ cao trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Theo báo cáo của các tỉnh khu vực Tây Bắc về kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2014, tổng số lượt cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng là 50.607, trong đó lý luận chính trị 3.648, quản lý nhà nước 4.800, chuyên môn 11.578, kỹ năng nghiệp vụ 24.301, kỹ năng lãnh đạo quản lý 2.007, ngoại ngữ 535, tin học 1.961, tiếng dân tộc 1.777 lượt người”* (Bộ Nội vụ, 2015, tr. 3). Như vậy, việc học

³ Phòng văn một vị cao niên có uy tín ở huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang ngày 21/3/2015.

tiếng dân tộc chỉ chiếm tỷ lệ chưa tới 5% tổng số cán bộ được cử đi bồi dưỡng trong một khu vực Tây Bắc mà đa số dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số. Đó là chưa nói tới chất lượng ở các lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số này.

Trên cơ sở các dữ liệu đã phân tích và đánh giá, cần có nhiều giải pháp mang tính tổng thể, đồng bộ và lâu dài trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội... để củng cố và nâng cao vị thế đội ngũ người có uy tín của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc. Ở đây chỉ xin đề cập tới một số giải pháp như sau:

Một là, cần nhắc và chọn lựa việc dạy ngôn ngữ một số dân tộc thiểu số ở cấp bậc phổ thông. Lưu ý rằng, do tính đặc thù nên tại các tỉnh vùng Tây Bắc, tỷ lệ đồng bào, cư dân sinh sống là người dân tộc thiểu số chiếm đa số. Tương tự đối với tỷ lệ con em đồng bào các dân tộc thiểu số đến trường trong khi người Kinh, con em dân tộc Kinh là thiểu số. Vì vậy, nếu như việc dạy tiếng dân tộc thiểu số không được coi trọng từ hôm nay thì chỉ vài thập niên nữa sẽ không còn mấy ai biết tiếng dân tộc thiểu số. Số người biết tiếng dân tộc thiểu số có nguy cơ bị “tuyệt chủng” và kèm theo đó là kho tàng văn hóa các dân tộc thiểu số cũng chịu chung số phận. Hơn thế nữa, việc học tiếng dân tộc thiểu số không chỉ đối với con em các dân tộc thiểu số mà cả đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở nơi đây. Rõ ràng, cần có những điều chỉnh trong chính sách dân tộc hiện nay. Cũng như chúng ta hiện đang khuyến khích dạy ngoại ngữ cho học sinh phổ thông, thậm chí có ý kiến còn muốn đưa việc dạy ngoại ngữ xuống cấp tiểu học, thì đối với các dân tộc thiểu số, việc dạy “ngoại

ngữ” ấy chính là ngôn ngữ của họ, tức các em được học song song ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc mình. Có như vậy mới tránh được sự mai một về ngôn ngữ cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Hai là, các cấp chính quyền cần có những chính sách cụ thể, chuyên biệt và thiết thực hơn đối với những người có uy tín ở vùng các dân tộc thiểu số. Vấn đề không chỉ là những đãi ngộ về vật chất, cải thiện đời sống kinh tế của họ, mà quan trọng hơn là tạo điều kiện để họ được sinh hoạt tín ngưỡng cùng các hoạt động văn hóa tinh thần khác trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước. Cần khơi dậy lòng tự hào và tự tôn của đồng bào đối với các di sản, giá trị văn hóa truyền thống của mình. Mỗi dân tộc tuy sống trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, nhưng có hoàn cảnh lịch sử và các giá trị văn hóa riêng biệt so với các dân tộc khác, đó là nét đẹp truyền thống ở mỗi dân tộc cần phải bảo tồn, phát huy. Đáng tiếc là đến nay, các văn bản của Nhà nước đã đề cập ở trên vẫn chưa thực sự đi vào cuộc sống. Mặt khác, chính sách dân tộc cũng cần điều chỉnh nhằm tạo điều kiện cho những người có uy tín được trao dồi kiến thức, hiểu biết về văn hóa dân tộc mình, ý thức được những gì cần loại bỏ, những gì còn giá trị và phù hợp với xã hội hiện tại cần phải duy trì. Nói cách khác, cần tạo điều kiện để các thầy mo, thầy cúng, già làng, trưởng bản... không chỉ tiếp tục giữ được uy tín trong cộng đồng của mình, phát huy vai trò là những người lưu giữ và chuyển tải các giá trị văn hóa của dân tộc mình cho các thế hệ mai sau; mà còn giáo dục trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật của Nhà nước, không để các thế lực thù địch lợi dụng dưới mọi hình thức.

Ba là, cần có những biện pháp cụ thể và khả thi hơn để loại bỏ dần lối suy nghĩ đang thịnh hành trong một bộ phận giới trẻ ở một số dân tộc thiểu số cho rằng, duy trì những tập tục và văn hóa truyền thống của ông cha họ là không phù hợp với xu hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Bốn là, giống như đối với đội ngũ người có uy tín, cần tiếp tục duy trì sự cộng tác với các chức sắc của các tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số. Qua kinh nghiệm ở nhiều tổ chức tôn giáo, tín đồ các tôn giáo thường chú ý lắng nghe chức sắc, bề trên của họ. Do vậy, nếu chúng ta vận động quần chúng đồng bào là tín đồ các tôn giáo để thực hiện chính sách của Nhà nước mà không được các chức sắc ủng hộ thì cũng khó có thể thành công. Cần rút kinh nghiệm thời kỳ trước Đổi mới khi chúng ta tìm cách vận động tín đồ các tôn giáo mà lại không chú ý tới việc hợp tác với các chức sắc tôn giáo nên dẫn tới kết quả công tác vận động quần chúng vùng đồng bào các tôn giáo thường chưa cao. Điều đó cần được rút kinh nghiệm và cũng đã được chính quyền trung ương và địa phương quán triệt (Ban Chỉ đạo Tây Bắc, 2014).

3. Kết luận

Chính sự suy yếu của tín ngưỡng tôn giáo truyền thống trên cơ sở suy giảm về số lượng và vai trò những người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số không chỉ là tác nhân chủ yếu, mà còn là điều kiện, tiền đề cho các hệ phái Tin Lành bén rễ vào vùng đồng bào. Sự suy yếu tín ngưỡng tôn giáo truyền thống đã vô hình chung tạo ra một “khoảng trống” trong đời sống tâm linh ở vùng đồng bào để các tôn giáo ngoại lai có

ơ hội truyền bá. Dân tộc nào càng có sự suy yếu về đời sống tín ngưỡng tôn giáo truyền thống thì càng trở thành mảnh đất thuận lợi để các hệ phái Tin Lành phát triển với nhiều hệ lụy về bản sắc văn hóa, đạo đức cũng như chính trị - xã hội. Điều này có nghĩa, nâng cao đời sống của người dân, hạn chế chênh lệch giàu nghèo và bất công xã hội là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, nhưng có thể đó chưa phải là gốc rễ của mọi vấn đề của tôn giáo.

Vì vậy, chú trọng hợp tác, củng cố đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số là một trong những nhiệm vụ chính để phát triển bền vững ở vùng đồng bào nói chung. Riêng vùng Tây Bắc, vấn đề này đang trở thành một nhiệm vụ vô cùng bức thiết bởi vì nhiều giá trị, di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số nơi đây đã và đang bị mai một nhiều, đồng thời đa số những người có uy tín, những trí thức truyền thống trong cộng đồng các dân tộc ấy đều đã ở tuổi trung niên, nhiều người đã cao niên.

Đội ngũ người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số là những di sản sống của các giá trị văn hóa tộc người mà nay đã và đang bị mai một, trong khi đa phần thế hệ trẻ lại không còn duy trì được khả năng tiếp nối các thế hệ ông cha của họ. Do đó, một bộ phận không nhỏ các giá trị, di sản văn hóa truyền thống của dân tộc Hmông và nhiều dân tộc khác đang có nguy cơ bị “đứt gãy”. Đây là một thực tế đang xảy ra, song việc củng cố tầng lớp trí thức truyền thống của tộc người hẳn là một công việc vô cùng khó khăn, đòi hỏi sự kiên trì và cần được tiến hành thường xuyên trong một thời gian dài.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tây Bắc (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của ba Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ từ sau Hội nghị giao ban ngày 14/9/2013 đến nay; phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới*, Tài liệu Hội nghị giao ban ba Ban chỉ đạo Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, Yên Bái ngày 3/11/2014.

2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Báo cáo công tác tôn giáo 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm công tác 6 tháng cuối năm 2015 tại khu vực Tây Bắc*, số 57/BC-TGCP, ngày 25/6.

3. Bộ Nội vụ (2015), *Báo cáo kết quả công tác năm 2014, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2015 ngành Nội vụ liên quan đến các tỉnh khu vực Tây Bắc*, Hà Nội, tháng 1/2015, Đại học Quốc gia Hà Nội, Chương trình Tây Bắc, Báo cáo tình hình khu vực Tây Bắc, Tài liệu tham khảo.

4. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Hà Nội (2002), *Văn hóa bản làng truyền thống các dân tộc Thái, Mông vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

5. Nguyễn Quang Hưng (2015), “Bàn thêm về nguyên nhân theo Tin Lành của một bộ phận người Hmông”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, Số 6, tr. 19-37.

6. Viện Dân tộc học (1998), *Dân số - kế hoạch hóa gia đình người Hmông ở Hòa Bình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam: Truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin & Viện văn hóa, Hà Nội.

8. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.



Phụ nữ Hmông đi cầu nguyện tại Nhà thờ đá ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Mộc Miên, chụp năm 2012